

Bản án số: 04/2020/HSST
Ngày 20-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng H Anh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Thanh Vân

- Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/HSST ngày 03-01-2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/HSST- QĐ ngày 07-01-2020 đối với bị cáo:

HOÀNG VĂN H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 08-12-1993, tại Yên Bái; HKTT: Thôn T, xã M, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Chỗ ở: Tổ 5, phường Đ, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Văn N (đã chết); con bà: Hoàng Thị L (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

Bị hại: Chị Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1985 - Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bạch Tuấn C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Hương Lý, xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

Người làm chứng: Chị Hoàng Tố A, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Y, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Lê Công Đ, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ 05, phường Đ, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 12-10-2019 Hoàng Văn H cùng anh Bạch Tuấn C, Nguyễn Đức T, Nguyễn Minh Q và bạn của Q tên là T cùng ngồi ăn uống tại nhà hàng V, địa chỉ: Tổ 11, phường Đ, thành phố Yên Bái. Ngồi gần bàn với H là bàn của chị Trần Thị Ngọc P cùng với các bạn của chị P, H và chị P ngồi quay lưng lại với nhau, cách nhau khoảng 1 mét. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi

anh C và anh Thái sang bàn chị P chúc rượu, anh C có để chiếc điện thoại Samsung galaxy A70 ở đệm ngồi, do lo C say rượu, H đã cầm chiếc điện thoại với mục đích cầm hộ, khi nào gặp anh C, H sẽ trả lại. Sau khi quan sát thấy chị P để 02 chiếc điện thoại của chị P ở phía sau lưng và không để ý, H đã nảy sinh ý định trộm cắp 02 chiếc điện thoại đó để sử dụng cá nhân. Nên H đã quay người lại dùng tay trái cầm chiếc điện thoại Iphone 8 plus của chị P, kiểm tra thấy điện thoại có cài mật khẩu nên H để chiếc điện thoại trên đệm ngồi bên cạnh H. Sau đó, chị P đi ra ngoài nhưng không phát hiện hành vi của H, H đã tiếp tục lấy chiếc điện thoại Nokia 105 của chị P để trên đệm ngồi, H ngồi nghịch 02 chiếc điện thoại đó một lúc và ra về. Trước khi đứng dậy ra về, H để 03 chiếc điện thoại gồm điện thoại Iphone của P, Oppo của H và Samsung của C vào cặp quần, để chiếc điện thoại Nokia 105 của P vào túi quần bên trái H đang mặc, sau đó H thanh toán tiền ăn và đi hát Karaoke cùng T, Q. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày H đi taxi 1 mình về phòng trọ tại tổ 5, phường Đ, thành phố Yên Bái, lấy các điện thoại vừa trộm cắp được để lên đầu giường ngủ của H thì bị lực lượng công an kiểm tra, thu giữ, gồm: 01 điện thoại Iphone, kiểu máy Iphone 8 plus màu hồng nhạt, đã qua sử dụng, có gắn ốp nhựa màu trắng, viền đen, gắn 01 sim điện thoại thuê bao trả sau số: 0985.203.789 có giá trị 7.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen loại bấm phím, đã qua sử dụng, gắn 01 sim điện thoại thuê bao trả sau số: 0912.812.959 có giá trị: 100.000 đồng; 01 điện thoại Samsung galaxy A70 vỏ màu sẫm, ốp nhựa màu trắng trong suốt, gắn 01 sim số: 034.4485.678 có giá trị 4.400.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại Samsung galaxy A70 là do H cầm hộ C.

Bản cáo trạng số: 04/KSĐT- TA ngày 03-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái đã truy tố: Hoàng Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ: 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng bị thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 12-10-2019 tại nhà hàng V, thuộc tổ 11, phường Đ, thành phố Yên Bái, Hoàng Văn H đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu, đã có hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản là 02 chiếc điện thoại (01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu hồng nhạt; 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen loại bấm phím), có tổng giá trị là 7.600.000 đồng của chị Trần Thị Ngọc P. Hành vi của Hoàng Văn H đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong dư luận xã hội. Do đó cần đưa bị cáo ra xử lý trước pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có sức khỏe, có đủ năng lực nhận thức. Vì lòng tham, mục đích vụ lợi nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó cần có mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, đã có thời gian phục vụ trong quân đội, nhất thời thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do đó, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo chính quyền địa P nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục bị cáo cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy Hoàng Văn H là người lao động tự do, không có tài sản, thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác: Quá trình điều tra, bị hại là chị Trần Thị Ngọc P không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với anh Nguyễn Minh Q và anh T quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của H, nên không đề cập xử lý.

[9] Về vật chứng:

- Đối với 03 chiếc điện thoại: 01 điện thoại di động Iphone 8 plus màu hồng nhạt; 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen loại bấm phím của chị Trần Thị Ngọc P; 01 điện thoại Samsung galaxy A70 màu sẫm của anh Bạch Tuấn C cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là chị P, anh C là phù hợp.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20-01-2020.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Hoàng Văn H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh; VKS tỉnh, Sở Tư pháp
- VKSTP, THATP, CATP;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan(1)
- Lưu HS, TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Hải Anh